

Giấc Mơ Hãi Hùng

(Không Tránh Khỏi Số Mệnh)

*Nguyễn Cảnh Nguyên
Tiểu Đoàn 69 BĐQ*

Tiểu Đoàn 37 BĐQ thuộc Liên Đoàn 1 BĐQ, Quân Khu 1 (sau này đổi thành Liên Đoàn 12 BĐQ), đã đóng tại Căn Cứ Khe Sanh, một tiền đồn heo hút giữa vùng cực Bắc Việt Nam Cộng Hòa, thuộc Hương Hóa, Quảng Trị. Tiểu Đoàn đã cùng với Trung Đoàn 26 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ làm nhiệm vụ trấn giữ khu vực trọng yếu này nhằm ngăn chặn Cộng Sản Bắc Việt chuyển quân, vũ khí, và lương thực từ Đường 9 Nam Lào vào Việt Nam Cộng Hòa.

Mở cuộc tấn công vào Khe Sanh, Cộng Sản Bắc Việt có ý định biến nơi đây thành một Điện Biên Phủ thứ hai, mà chúng thường rêu rao là đã dùng tới 50.000 quân tinh nhuệ, cùng đại pháo và thiết giáp.

Ý định của Cộng Sản không nằm ngoài ước đoán của Hoa Kỳ. Quân Đội Mỹ quyết định phá vỡ kế hoạch bao vây căn cứ Khe Sanh bằng cách không kích vào các vị trí đóng quân của chúng. Hàng trăm máy bay oanh tạc ngày đêm đã san

bằng các giao thông hào địa đạo, phá hủy hàng trăm vị trí của Cộng Sản Bắc Việt. Giấc mơ của Võ Nguyên Giáp, tên Đại Tướng Việt Cộng này, đã bị phá vỡ chỉ sau năm ngày cuối cùng của trận chiến.

Suốt hơn hai tháng, Tiểu Đoàn 37 BĐQ đã ngày đêm chịu đựng nhiều cuộc tấn công biển người vào phòng tuyến, cũng như bị pháo kích liên tục vào căn cứ, từ súng cối 82 ly đến đại bác



Tác giả, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 69 BĐQ, đứng trước hàng quân tại Quận Trà Bồng, Quảng Ngãi, năm 1974 (bên trái).

130 ly, hay hỏa tiễn 122 ly. Mặc dù bị tổn thất không nhỏ, Tiểu Đoàn vẫn anh dũng chống trả, đẩy lui các đợt tấn công, giữ vững phòng tuyến.

Mặt trận lắng dịu, rồi chấm dứt khi Cộng Sản Bắc Việt rút lui, sau khi bị tổn thất rất nặng nề. Giờ đây, những người lính chiến của Tiểu Đoàn 37 BĐQ đã có những giây phút an bình ngồi trên giao thông hào mà không còn sợ bị pháo kích hay bắn tỉa. Sau hơn 70 ngày, lúc nào cũng sẵn sàng đánh trả những đợt tấn công của địch, họ đã luôn phải sống và sinh hoạt dưới giao thông hào.

Đúng như lời hứa của Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1 đã nói:

- Tiểu Đoàn 37 BĐQ sẽ được trả về, sau khi hoàn tất

nhiệm vụ tại căn cứ Khe Sanh.

Tùng chiếc C123 đã từ từ hạ cánh xuống phi đạo của căn cứ. Những người lính chiến của Tiểu Đoàn 37 BĐQ đã vội vã lên phi cơ với niềm vui vô hạn, cùng với niềm hãnh diện sau những ngày tháng chịu đựng thử thách tại căn cứ. Giờ đây họ được trở về thành phố Đà Nẵng thân yêu với hình hài của người tiền sử. Râu tóc, thân hình dơ bẩn của họ nhuộm toàn màu đất đỏ của núi rừng Quảng Trị, vì họ đã gần như không tắm rửa sau một thời gian rất dài. Nước trong căn cứ còn không đủ để nấu nướng lấy đâu ra mà dùng, nên nếu có một tí để lau mình đã là quý lắm rồi.

Cùng thời gian này, các trận đánh lớn, trong biển cỏ Mậu Thân, đã xảy ra trên hầu hết các thành phố tại Miền Nam. Bị cắt đứt liên lạc khi các trận đánh tại Khe Sanh bắt đầu, họ không biết gì thêm về số phận của gia đình đang sinh sống tại hậu phương. Gia đình của họ ra sao, có còn an toàn hay không? Đây là điều nói lên sức mạnh của những người chiến sĩ Tiểu Đoàn 37 BĐQ, đã chịu đựng cả sức nặng về thể chất lẫn tinh thần khi hy sinh tất cả cho trách nhiệm, nhiệm vụ.

Giờ đây, sau nhiều ngày họ bị cắt đứt liên lạc, còn gì vui sướng hơn là được gặp lại người thân yêu nhất?

Để đáp trả những hy sinh và công trạng của họ, một buổi lễ thăng thưởng gắn huy chương cho tất cả chiến sĩ Tiểu Đoàn 37 BĐQ được tổ chức ngay tại Phú Lộc, Đà Nẵng, căn cứ của Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 1 BĐQ, dưới sự chủ tọa của Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1. Hầu hết các quân nhân của Tiểu Đoàn 37 BĐQ được thăng một cấp. Dĩ nhiên, trong số đó có tôi, người viết bài này, lúc đó là Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Tiểu Đoàn 37 BĐQ đại diện tiểu đoàn, được gắn lon thăng cấp đại úy. Lúc đó tôi mới 23 tuổi.

Đơn vị được lệnh bổ sung quân số chờ lệnh. Như một hình thức dưỡng quân, Tiểu Đoàn được giao nhiệm vụ giữ an ninh vòng đai thành phố. Đại đội do tôi chỉ huy được giao trọng trách đóng quân tại xã Khuê Trung, Thành Phố Đà Nẵng để bảo vệ vòng đai của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I.

Đây là thời gian vô cùng thú vị sau những ngày tháng gian nan, vất vả tại Khe Sanh. Giờ đây chúng tôi có những giây phút thật thanh thản an bình bên ly cà phê đen, hay nhâm nhi vài chai bia cùng các bạn bè chiến hữu trong đơn vị, ngắm vài bóng hồng trong thành phố thân yêu trong bình yên. Mặc dầu tôi đang ở tuổi này, nhưng tôi vẫn chưa có một tí tình lật vạt. Một phần tôi cũng là loại anh chàng nhát gái; cũng như nghĩ đến hoàn cảnh chiến tranh của đất nước, tôi không muốn một ai đó phải nằm trong hoàn cảnh “Hồn Vọng Phu”.

Cộng Sản Bắc Việt không muốn để cho Miền Nam Việt Nam này một giây phút an bình nào cả. Những trái hỏa tiễn 122 ly bắt đầu bắn phá phi trường Đà Nẵng, vì thế Tiểu Đoàn 37 BĐQ được lệnh hành quân vào vùng Gò Nổi. Đây là một giải đất rộng lớn nằm bên kia dòng sông Thu Bồn, thuộc Quận Điện Bàn, Quảng Nam. Nơi đây đã trở thành khu oanh kích tự do của Không Quân vì Cộng Sản thường lợi dụng nơi này để pháo kích vào phi trường Đà Nẵng, cũng như Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1.

Trước khi xuất phát vào ngày hôm sau, tôi lên Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn 37 BĐQ để họp và nhận phóng đồ hành quân. Trên đường trở về, tôi nghe tiếng depart của hỏa tiễn 122 bay ngang đầu. Thình lình một cảm giác lạnh toát chạy theo xương sống, hai hàm răng run lên cầm cập đánh vào nhau, tôi sợ hãi không thể nào kiềm chế được. Một cảm giác chưa từng xảy ra bao giờ, ngay cả khi phải đương đầu với đạn pháo kích và hỏa tiễn tại Khe Sanh của địch.

Không thể để binh sĩ dưới quyền thấy được hình ảnh này,

tôi đã vội vã chạy vào nhà dân, xin phép cho vào phòng vệ sinh để trấn tĩnh. Trong đêm, tôi đã trải qua một giấc mơ hải hùng, mà cả cuộc đời tôi không bao giờ quên được. Tôi đã thấy một cách rõ ràng là máu của tôi đang chảy xuống mặt, xuống toàn thân thể của tôi. Tất cả toàn là máu từ trong ra ngoài, từ đầu xuống chân. Khi thức giấc, toàn thân tôi rã rời, mệt mỏi và buồn rầu.

Tiểu Đoàn 37 BĐQ và 21 BĐQ thuộc Liên Đoàn 1 BĐQ cùng với một chi đoàn thiết vận xa từ Đà Nẵng theo Quốc Lộ 1, xuống Quận Điện Bàn, Quảng Nam, vượt sông Thu Bồn, tiến vào Vùng Gò Nổi, một địa danh thuộc lãnh thổ của Chi Khu Điện Bàn, Quảng Nam.

Trong ba ngày hành quân, hầu như đến đâu đơn vị cũng bị pháo kích hay tấn công quấy rối.

Đến ngày thứ tư, Tiểu Đoàn 37 được lệnh dừng chân, bố trí để nhận tiếp tế. Lúc này, Tiểu Đoàn 21 BĐQ và chi đoàn Thiết Vận Xa nằm cánh phải, cách Tiểu Đoàn khoảng 600 đến 700 m.

Những trực thăng mang lương thực từ từ hạ cánh, trong khi đó trên bầu trời luôn luôn có trực thăng bao vùng bắn yểm trợ. Khi đó tôi đang đi quanh khu vực đóng quân của Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn 37 BĐQ vì Đại Đội 4 của tôi có nhiệm vụ bảo vệ tiểu đoàn. Tôi chợt nghe tiếng kêu:

- “Nguyễn, anh lại đây!”

Quay lại, tôi mới biết đó là tiếng gọi của Niên Trưởng Nguyễn Văn Huy, thuộc Khóa 16 Võ Bị. Ông vừa từ Liên Đoàn 4, Vùng 4 Chiến Thuật, mới chuyển về đây để nhận chức Liên Đoàn Phó Liên Đoàn 1 BĐQ. Nay Thiếu Tá Hoàng Phổ đi phép nên ông tạm thời thay thế. Tôi từ từ bước lại gặp ông. Ông nói:

- Vợ tôi vừa tiếp tế cho tôi hai trái táo. Tôi khoái anh lắm.

Tôi một, anh một trái.

Vừa cầm trái táo cắn một miếng thì ông ta liền phán một câu:

- Ở Vùng 4, tôi khoái người nào thì người đó không chết, cũng bị thương.

Nghe câu nói của ông niên trưởng, tôi ghen hợm, sững sờ. Tôi bèn trả lời theo phản ứng tự nhiên:

- Thương mà để chết, hay bị thương thì thương làm gì?

Có lẽ thấy lời nói của mình hơi quá đáng, nên ông niên trưởng bèn nói:

- Xin lỗi, tôi chỉ đùa thôi.

Lúc đó hình ảnh giấc mơ đã trở lại ám ảnh tôi. Thành linh, tôi nghe một tiếng “bốp” rớt xuống đầu. Phản ứng tự nhiên là tôi đưa tay lên che. Tôi có một thói quen là khi đi hành quân không bao giờ đội nón sắt, vì không thấy thoải mái khi chỉ huy. Tôi sờ thấy một cục u, trong khi nhìn xuống thì thấy một vỏ đạn dưới đất.

Cũng may cho tôi, những vỏ đạn rơi từ những chiếc trực thăng bao vùng, trước khi rơi vào đầu tôi đã chạm vào một nhánh cây, vì vùng hành quân nơi đây có rất nhiều cây cao. Có lẽ nhờ thế, vỏ đạn đã giảm tốc độ trước khi rơi trúng đầu tôi. Nếu không như vậy, đầu tôi đã bị lũng ròi.

Rờ cục u trên đầu, tôi thấy thoải mái yên tâm, như là đã gỡ được mối lo từ giấc mơ. Có lẽ chỉ như thế này thôi, đầu có ghê gớm như giấc mơ mình đã thấy. Suy nghĩ của tôi đã bị cắt đứt vì những loạt đạn liên tục pháo kích vào tuyến đóng quân. Tôi vội vàng chạy về vị trí của đại đội. Tại Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn, Niên Trưởng Huy đã níu tôi lại và nói:

- Nguyên, nó đang pháo kích đó!

Tôi quay lại và nói:

- Nó đang tấn công tuyến đóng quân của tôi. Không có tôi, lính họ bỏ chạy thì sao?

Vừa về đến tuyến của đại đội, tôi vội nhảy xuống hố cá nhân, đâu có ngờ rằng đã có một binh sĩ đang đào hố cho tôi đứng ở dưới. Khi tôi đã đứng trên lưng anh với phân nửa người còn trên mặt đất thì một tiếng ầm vang lên, cát bụi mịt mù. Tôi chỉ thấy Hạ Sĩ Thành, người mang máy truyền tin C25 cho đại đội ngã bật xuống. Đồng thời một cảm giác mát lạnh như có một dòng nước đang chảy xuống mặt khiến mắt tôi mờ đi. Mấy tay vuốt, tôi thấy tay đầy máu, nhìn về tay trái cũng toàn là máu. Tuy nhiên, tôi vẫn còn bình tĩnh rút tay vào trong ngực kiểm soát xem có máu không. Bắt đầu cảm thấy xây xâm, tôi vội cầm ống liên hợp C25 gọi cho Thiếu Úy Tạ Minh Trung, Đại Đội Phó kiêm Trung Đội Trưởng Trung Đội 1, trước khi thiếp đi ngay:

- Anh lên đây thế tôi chỉ huy đại đội.

Tôi đã được tải thương về tiểu đoàn, băng bó và chích Vitamine K để cầm máu. Sau đó, Niên Trưởng Huy đã cho một tiểu đội di tản tôi qua tuyến của Tiểu Đoàn 21 BĐQ để tải thương. Lúc đó tình hình tại tiểu đoàn này vẫn bình thường.

Trên đoạn đường di tản sang Tiểu Đoàn 21 BĐQ, nỗi lo âu nhứt của tôi là tôi bị đui một mắt. Vừa đến đây, người tôi gặp đầu tiên là Nguyễn Thanh Đức, bạn cùng khóa và cũng là một đại đội trưởng của Tiểu Đoàn 21 BĐQ. Tôi đã nói với Đức:

- Tao sợ mắt bị mù quá.

- Để tao xem nào.

Không nói không rằng, Đức bèn lột băng cứu thương ra xem, rồi nói.

- Không sao đâu. Mảnh đạn nằm trên mí mắt. Hên cho

mày đấy.

Tôi nhắm mắt lại khi nỗi lo âu tan biến.

Khoảng hơn một tiếng sau, trục thẳng đã đưa tôi về Bệnh Viện Duy Tân. Sau khi khám nghiệm, tôi mới biết các vết thương trên toàn thân thể của tôi đều do các mảnh đạn, cũng như sỏi đá văng vào. Tuy nhiên rất may mắn các vết thương không nguy hiểm đến tính mạng.

Về sau này, tôi mới biết ra một điều, người cứu mạng tôi là Hạ Sĩ Thành đứng trước mặt tôi khi tôi nhảy xuống hố. Hầu như thân thể của anh đã che chắn cho tôi.

55 năm trôi qua, tôi mới viết bài này như một lời tưởng nhớ đến anh Hạ Sĩ Thành. Thế mới biết rằng đã là định mệnh thì không thể tránh khỏi, và tôi tin ở sự sắp đặt của Thượng Đế.

Để kết luận bài viết này, tôi xin gửi đến các chiến hữu lời nói của Charlie Chaplin, mà người ta gọi ông là một vĩ nhân trong ngành Điện Ảnh Phim Âm ở thế kỷ 19-20, để các bạn chiêm nghiệm và an vui tuổi già.

Khi ở tuổi 88 trước khi qua đời, ông đã viết:

Tất cả chúng ta đều là du khách. Chúa là người đại diện phụ trách du lịch cho chúng ta, đã xác định lộ trình, đặt chỗ và nơi đến... Hãy tin tưởng vào Ngài và tận hưởng cuộc sống.

(We are all tourists. God is our travel agent who has already identified our routes, booking and destinations... Trust Him and enjoy life.)



NỬA ĐỜI VONG QUỐC

TiênSha

Bọn chúng ta một đời lận đận
Nhiều tháng năm lặn lội chiến chinh
Súng với đạn như một người tình
Sinh với Tử như hình với bóng.

*Tuổi trẻ ta chưa hề vô vọng
Sống cuộc đời đầy đủ Nghĩa, Nhân
Buổi can qua trong chống phong trần
Vẫn giữ vững tâm lòng tiết tháo.*

Mặc đập vùi trong cơn giông bão
Mặc nổi đau lao lý ngục tù
Trọn một đời vãi đến thiên thu
Ôm mối nhục không hề rửa sạch.

*Bọn chúng ta sống đời thanh bạch
Sá nghĩa gì danh vọng, quyền uy
Có cần chi tiên bạc, mê si
Khó trang trải nỗi đau mất nước.*

Bọn chúng ta chưa hề từ khước
 Khó chu toàn trách nhiệm đôi vai
 Gánh sơn hà nặng nợ trên vai
 Làm sao bảo quên đi là được?!

*Loạn binh đao nửa đời mất nước
 Trận cuồng phong hóa cuộc biển dâu
 Trời tháng Tư u ám một màu
 Đòi vong quốc làm thân chiến bại.*

Bốn mươi năm còn gì để lại
 Trận bão giông dồn dập cuốn đi
 Bao nghiệt oan ước mộng xuân thì
 Của dân tộc ngàn năm văn hiến.

*Tổ quốc ta triền miên chinh chiến
 Dân tộc ta quốc biến lưu vong
 Hận nước non áp ủ trong lòng
 Ta cứ nhủ chưa hề thua cuộc.*

Quanh ta còn bao người thân thuộc
 Nợ tang bồng há dễ bỏ qua
 Phận làm trai nặng gánh sơn hà
 Còn tổ quốc là còn trách nhiệm.

*Một quê hương tràn đầy kỷ niệm
 Đang từng ngày gánh nổi điêu linh
 Bao nhiêu năm mang một tội tình
 Thẻ phục quốc là điều cật ruột.*

Đã bảo ta chưa hề thua cuộc
 Thế sự thăng trầm, nợ trả vay
 Hận thiên thu cũng đã đến ngày
 Phải hóa kiếp một bày bán nước.

*Uống đi, rồi cùng nhau cất bước
 Xuôi về Nam ngắm cảnh sơn Khê
 Đi thăm từng làng mạc thôn quê*

Hay một góc đam mê xưa cũ.

Uống nữa đi đời còn lạc thú
Rượu tràn ly ta uống tàn canh
Hận trong lòng hãy bỏ xuống nhanh
Bình minh đến, vận thời đã đến.

Virginia 2010

**ĐẠI NHẠC HỘI “CẢM ƠN ANH”
NGƯỜI THƯƠNG BINH VNCH KỶ THỨ 16**

P.O. Box 25554, Santa Ana, CA 92799

Hoặc trả qua: **Zell, Paypal, Credit Card**

Điện thoại liên lạc:

714-837-5998, 714-371-7967, 888-333-9030



DỰNG NGỌN CỜ VÀNG.

*Nguyễn Hữu An**

Thám Sát Tiểu Đoàn 90 BĐQ.

Ngày 30 tháng Tư năm 1975, chúng ta đã rời bỏ Miền Nam Việt Nam để ra đi tìm tự do, mang theo Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ.

Từ những trại tỵ nạn, người dân tỵ nạn chúng ta được rất nhiều quốc gia tự do trên thế giới chấp nhận cho định cư. Tại những nơi quê hương thứ hai này, người Việt chúng ta đã lập nên những hội đoàn mang tên “Cộng Đồng Người Việt Tự Do” và Hội Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hòa – một hình thức quốc gia và quân đội thu nhỏ - để nhớ lại và cũng để gìn giữ những gì trong quá khứ.



Ngoài mục đích nhớ nhung và gìn giữ quá khứ, mục đích chính của những hội đoàn này là để báo cho cả thế giới biết được là Việt Nam Cộng Hòa của chúng ta vẫn còn tồn tại,

còn hiện diện khắp mọi nơi, và cũng là để giam giữ lá cờ đỏ của bọn Việt Cộng ở trong vòng nước Việt Nam, chứ không cho nó xuất hiện ở bất cứ nơi nào khác.

Ở trên khắp các quốc gia tự do trên thế giới, dân chúng chỉ nghe nói tới Cộng Đồng Người Việt Tự Do, chỉ biết đến những Hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, chỉ biết tới lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ mà thôi, chứ ít khi hoặc chẳng bao giờ người dân nghe nói tới Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhìn thấy lá Cờ Đỏ Sao Vàng.



Viện Bảo Tàng Shrine tại Melbourne, Victoria, Úc Châu.

Đó là điểm thành công nhất của chúng ta.

Chiến tranh là một biến cố có thể xảy ra trong bất cứ một thời gian nào, không gian nào và ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới.

Khi cuộc chiến còn đang xảy ra ở Việt Nam, người dân luôn luôn nhớ tới những người cha, người chồng, người con đang dấn thân ngoài chiến trường chống lại quân xâm lăng Bắc Việt.

Khi cuộc chiến đã tàn phai, Việt Nam Cộng Hòa bị thua

trận, Lá Cờ Vàng và người lính Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn trong tâm thức của người dân mà thôi. Vì áp lực và đe dọa của bọn Việt Cộng, không còn ai dám trưng lá cờ Vàng ba sọc đỏ ra nữa, không còn ai dám nhắc tới những người Lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nữa.

Mười năm sau... hai mươi... ba mươi năm sau cuộc chiến, thế hệ trẻ sinh sau cuộc chiến không biết gì về Việt Nam Cộng Hòa.

Vì cuộc sống hàng ngày, người dân đã hầu như đã quên là họ bị mất nước, lãng quên những gì đã xảy ra thời Đệ Nhất, Đệ Nhị Cộng Hòa .

Không còn ai nhớ tới Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ và người Lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nữa.

Để tưởng nhớ lại quá khứ, người dân Việt ở khắp mọi nơi đã dựng lên những bức tượng tử sĩ và xây lên những viện bảo tàng chiến tranh để nhớ lại Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ và người Lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Trong hơn 48 năm qua, ở hải ngoại, chúng ta luôn luôn gắng tìm những nơi thật là trang nghiêm, thật là xứng đáng để dựng lại ngọn Cờ Vàng.

Cách tốt nhất là để những di vật trên vào các viện bảo tàng của các quốc gia nơi chúng ta đang sống và nhận đó là quê hương thứ hai.

Tại Úc, người Việt chúng tôi đã đặt Ngọn Cờ Vàng và xây được nhiều tượng đài chiến sĩ trên khắp các thành phố của các tiểu bang trên toàn cõi nước Úc.

Trong tiểu bang Victoria, ba anh em chúng tôi:

- Thủy Quân Lục Chiến - Y Sĩ Thiêu tá Trần Xuân Dũng,
- Biệt Động Quân – Đại Úy Hạ Bá Hùng, và tôi,
- Biệt Động Quân – Thiếu Úy Nguyễn Hữu An,

đã cùng với các chiến hữu, đồng hương bỏ công bỏ sức ra xây dựng:

***. Tượng Đài Chiến Sĩ Việt - Úc tại Dandenong.**

Hàng năm, rất nhiều buổi lễ của quân đội Úc và Việt Nam đã được tổ chức tại Tượng Đài Chiến Sĩ Úc Việt này. Mới đây nhất là cuộc diễu hành ngày Cựu Quân Nhân Úc 25/04/2023 và Lễ Tưởng Niệm ngày 30/04/2023.

***. Dựng được hình tượng người lính Biệt Động Quân tại Viện Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam của Hội Cựu Quân Nhân Úc, tại Philip Island.**

Philip Island là một hòn đảo du lịch của tiểu bang, cho nên, du khách nội địa và ngoại quốc đến thăm người Lính Biệt Động Quân tại Viện Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam rất là đông đảo.

Còn một địa điểm cuối cùng và rất quan trọng, đó là Viện Bảo Tàng Di Tích Chiến tranh của Thành phố Melbourne (The Shrine of Remembrance of Melbourne – gọi tắt là The Shrine), thủ đô của tiểu bang Victoria, nơi chúng tôi đang sinh sống.

The Shrine nằm trên đường Birdwood Avenue, Melbourne VIC 3001. Nó được xây dựng để tưởng nhớ tới những chiến sĩ và những thương dân của tiểu bang Victoria đã phục vụ trong Trận Thế Chiến Thứ Nhất, sau đó đã trở thành một đài tưởng niệm cho tất cả những người Úc đã phục vụ trong Thế Chiến Thứ Hai và bất kỳ cuộc chiến nào tiếp theo sau. Đây là địa điểm tổ chức các lễ kỷ niệm hàng năm cho Ngày Anzac (25 tháng 4) và Ngày tưởng niệm (Ngày 11 tháng 11), và là một trong những đài tưởng niệm chiến tranh lớn nhất ở Úc.

The Shrine được thiết kế bởi kiến trúc sư Phillip Hudson và James Wardrop, cả hai đều là cựu chiến binh trong Thế Chiến Thứ Nhất, xây bằng đá cẩm thạch, theo phong cách

cổ điển, dựa trên Lăng Mộ Mausolus ở Halicarnassus và đền Parthenon ở Athens, Hy Lạp. Trên tầng thượng và ở ngay chính giữa ngôi đền, có một hòn đá được đặt tên là Đá Tưởng Niệm – Stone of Remembrance, trên đó có khắc dòng chữ “Greater love hath no man (A man lay down his life for his friends) - Người Lính hy sinh mạng sống của mình cho người khác”.

Greater Love Hath No Man.

Mỗi năm một lần, vào đúng 11 giờ sáng ngày 11 tháng 11 (Ngày tưởng niệm những chiến sĩ Úc đã hy sinh trong trận Đại Chiến Thứ Nhất – Remembrance Day), một tia nắng mặt trời chiếu qua một lỗ hồng trên mái nhà để làm sáng chữ “Love” trong dòng chữ Greater love hath no man.

Bên dưới khu bảo tồn là hầm mộ, trong đó có một bức tượng đồng của hai người lính (cha và con trai), và các bảng liệt kê các đơn vị của Úc tham chiến trong Thế Chiến Thứ Nhất.

The Shrine được khởi công xây từ năm 1918. Viên đá đầu tiên được đặt vào ngày 11 tháng 11 năm 1927 và Đền Thờ được khánh thành vào ngày 11 tháng 11 năm 1934.

Điểm đặc biệt của The Shrine là, họ chỉ trưng bày những hình ảnh và kỷ vật của lính Úc trong những chiến trận mà họ tham dự mà thôi, chứ không trưng bất cứ thứ gì khác, dù là của các chiến sĩ đồng minh.

Hằng năm, hơn một triệu du khách từ khắp các nơi trên thế giới, từ khắp các tiểu bang của nước Úc, đã đến viếng thăm Viện Bảo Tàng The Shrine of Remembrance của thành phố Melbourne.

Trước khi đến The Shrine, chúng tôi đi dò hỏi các bậc đàn anh, và được cho biết là, trong đó có một phòng triển lãm dành riêng cho Chiến Tranh Việt Nam, trong đó có trưng

hình ảnh và kỷ vật của các quân nhân Úc đã dùng, đã tịch thu được của Việt Cộng khi tham chiến ở Việt Nam, từng cọng dây kẽm gai rỉ sét tới cái nón tai bèo cũng được trưng ở đó, nhưng tuyệt nhiên, không có một di tích nào của Việt Nam Cộng Hòa ở đó cả.

Vào ngày 25/03/2022, chúng tôi vào thăm The Shrine. Viện Bảo Tàng này đồ sộ, huy hoàng tráng lệ không thể nào tưởng tượng nổi, các bạn a!

Viện bảo tàng này lớn, lớn lắm! Có tới ba tầng lầu với trần nhà cao vút, chứa cả chiếc thuyền đổ bộ dùng trong trận đánh Galipolli 1916 và những loại máy bay thời Đệ Nhất Thế Chiến nữa. Muốn đi thăm viện bảo tàng, bạn phải đi theo nhóm có người hướng dẫn, chứ không sẽ bị lạc đó. Vừa xem mà vừa hồi hộp trong lòng, tưởng chừng như những người lính cũ đang nhìn mình, những khẩu súng cũ đang chĩa vào người mình sẵn sàng nhắm đạn.

Đi vòng vòng thăm các di tích theo thứ tự, từ năm 1914, nơi chúng tôi tới là phòng triển lãm di vật chiến tranh Việt Nam.

Phòng rộng khoảng 5m x 10m gì đó, có nhiều tủ trưng bày những mũ đi rừng, nón sắt, súng SLR (trong thời gian tham chiến tại Việt Nam, lính Úc dùng súng trường riêng do họ chế tạo, gọi là Self - Loading rifle – SLR, chỉ một số ít dùng M 16 mà thôi).

Anh em chúng tôi đã trợn mắt, đứng tim khi nhìn trong tủ kính trước mặt hình lá cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đôi dép râu và cả tấm hình của Hồ Chí Minh nữa!

Theo phản ứng tự nhiên, ba đưa chúng tôi cung tay định chạy lại tủ kính mà dụi lá cờ, xé tấm hình tên Hồ ra làm nhiều mảnh. Nhưng vì đây là phòng triển lãm, chứ không phải ở ngoài đường, nên anh em chúng tôi ráng kìm lại.

Nhìn chung quanh, không hề có một lá cờ nào của Việt Nam Cộng Hòa, không hề có một bộ đồ lính hoặc đôi giày sô của người lính chiến Cộng Hòa cả!

Thế này là thế nào? Chiến tranh Việt Nam đã đi vào dĩ vãng rồi, muốn trưng hình của bên này thì cũng phải trưng hình của bên kia chứ! Sao lại chỉ trưng đồ của Bắc quân mà không có đồ của Miền Nam Việt Nam?

Chúng tôi quay lại nhìn người hướng dẫn du lịch để đưa ra những thắc mắc của mình. Ông này nghe những câu hỏi của chúng tôi thì cười mà trả lời:

“Tôi chỉ hướng dẫn quý vị đi từng khu triển lãm mà thôi. Nếu quý vị có thắc mắc về những đồ vật trưng bày, tôi sẽ đưa quý vị đi gặp người phụ trách trưng bày, ông ta sẽ giải thích cho quý vị hiểu.

Thế là chúng tôi được mời xuống lầu, tới văn phòng của The Shrine để gặp ông Neil Sharky, Trưởng Ban phụ trách trưng bày kỷ vật chiến tranh của Viện bảo tàng. Chúng tôi chào ông rồi tự giới thiệu mình là những người Lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, rồi hỏi ông:

“Chúng tôi đã thấy quý ông trưng lá cờ và đôi dép râu của Việt Cộng, lại cả hình của Hồ Chí Minh nữa, nhưng không thấy trưng những đồ vật của Việt Nam Cộng Hòa của chúng tôi?”

Ông Neil vui vẻ trả lời chúng tôi:

“Ah! Đó chỉ là những món đồ mà những người lính Úc khi đi hành quân đã tịch thu được của Việt Cộng, rồi khi về đây đã tặng lại cho viện bảo tàng mà thôi. Vì đó là di vật chiến tranh nên chúng tôi trưng ra để mọi người xem. Sở dĩ chúng tôi không có những thứ giống như vậy của Việt Nam Cộng Hòa để trưng ra, là vì, những người lính của chúng tôi đâu có được ai tặng cờ của các anh mà đem tặng cho chúng

tôi.

Hiểu ra lẽ, chúng tôi đã trình bày với ông rằng:

“Cám ơn ông đã giải thích. Hiện giờ, tôi đang có một Lá Cờ Vàng - Một vài hình ảnh của Cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đáng kính – Một bộ quân phục của người lính chúng tôi, và Một bộ sách Quân Sử Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi xin kính tặng Đài Tưởng Niệm Chiến Tranh Melbourne, quý ông có thể trưng bày những thứ này trong khu vực triển lãm của Chiến Tranh Việt Nam hay không ?

Ông Neil trả lời ngay:

“Nếu các anh có, chúng tôi rất sẵn sàng trưng bày những thứ đó cho công chúng cùng thưởng lãm.

Vào ngày 11/04/2022, chúng tôi được mời tới dự một buổi họp với ban giám đốc của bộ phận trưng bày di vật triển lãm;

Hiện diện trong buổi họp, gồm có:

Bà Sue Burgess – Giám Đốc bộ phận trưng bày hình ảnh và di vật chiến tranh,

Ông Neil Sharky – Trưởng Ban trưng bày hình ảnh và di vật chiến tranh,

Y Sĩ Thiếu Tá Trần Xuân Dũng, Thủy Quân Lục Chiến,

Đại Úy Hạ Bá Hùng, Biệt Động Quân,

Thiếu Úy Nguyễn Hữu An, Biệt Động Quân.

Chúng tôi trao tặng The Shrine những tặng phẩm sau đây để The Shrine trưng trong Phòng Triển lãm Chiến Tranh Việt Nam:

* Một lá cờ Việt Nam Cộng Hòa và hai tấm hình của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

* Bộ sách Quân Sử Thủy Quân Lục Chiến (Cuốn 1 và cuốn 2).

* Bộ quân phục Biệt Động Quân và chiếc mũ nâu, của Đại Úy Hạ Bá Hùng.



Tặng các kỷ vật cho Viện Bảo Tàng Shrine. (Từ trái: Các Ông Neil Sharky, Trần Xuân Dũng, Bà Sue Burgess, Hạ Bá Hùng, Nguyễn Hữu An.)

thông qua, nên thời gian chờ đợi sẽ... hơi lâu.

Mãi tới tháng 12/2022, chúng tôi mới được ông Neil cho hay:

Lá Cờ Vàng và bộ quân phục Biệt Động Quân đã được chấp thuận trưng bày tại phòng triển lãm Chiến Tranh Việt Nam, những thứ còn lại được trưng trong phòng tài liệu của Đài Tưởng Niệm.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, ba anh em chúng tôi đã được ông Neil hướng dẫn tới Phòng Triển Lãm Chiến Tranh Việt Nam. Mặc dù đã được biết trước, nhưng ba anh em chúng tôi đã xững sờ khi nhìn thấy Lá Cờ Việt Nam Cộng Hòa và bộ quân phục Biệt Động Quân đã được trang trọng bày trong tủ kính. Mặt bên kia là bộ quân phục của người Lính Úc mặc khi tham chiến ở Việt Nam.

Theo đúng lễ nghi quân cách, anh em chúng tôi dàn hàng

Bà Sue cảm ơn chúng tôi và cho biết, sẽ bàn thảo với Ban Giám Đốc của The Shrine rồi báo cho biết sau.

Ông Neil nói thêm là sẽ cố gắng để những tặng vật của chúng tôi được trưng bày. Tuy nhiên, vì có nhiều thủ tục phải

ngang đứng nghiêm đưa tay chào Lá Cờ Vàng, những giọt nước mắt tự nhiên trào ra trên khóe mắt.

Nhìn chung quanh, chúng tôi càng ngạc nhiên hơn nữa khi Lá cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đôi dép râu và hình Hồ Chí Minh đã không còn được trưng ở trong phòng triển lãm nữa.

Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ của Việt Nam Cộng Hòa, Bộ Quân Phục và Mũ Nâu Biệt Động Quân.

Kính thưa quý chiến hữu, quý đồng hương,

Chúng tôi mời quý vị tới thăm phòng triển lãm chiến tranh Việt Nam, tại Viện Bảo Tàng Chiến Tranh Thành Phố Melbourne, tiểu bang Victoria.

Hãy kính cẩn nghiêm trang đứng chào Lá Cờ của tổ quốc thân yêu và bộ quân phục:

- Để nhớ lại một thời mình đã mặc bộ quân phục như thế này xông pha khắp bốn vùng chiến thuật để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ.

- Để nhớ lại những chiến hữu đã chiến đấu hiên ngang và bỏ mình vì nước.

Thưa quý vị cựu quân nhân Úc – Tân Tây Lan, Hoa Kỳ, Đại Hàn, Thái Lan và Phi Luật Tân,

Chúng tôi rất cảm ơn quý vị, những người lính đã nghe theo lời kêu gọi của chính phủ của mình mà tới Việt Nam chiến đấu bảo vệ cho tự do dân chủ cho người dân Việt chúng tôi.

Mãi đến khi đặt chân tỵ nạn lên nước Úc, chúng tôi mới được biết rằng, đa số quý vị khi trở về đã không được tiếp đón xứng đáng cho sự hy sinh của mình. Thật là đáng tiếc!

Thế nhưng, người Việt Nam chung tôi - những người đã được quý vị chiến đấu để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và

được hưởng tự do dân chủ cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 – Chúng tôi luôn luôn nhớ tới và cảm ơn quý vị.

Chúng tôi rất hạnh diện đã mang được lá Cờ Vàng của



nước Việt Nam Cộng Hòa và bộ quân phục của người lính chúng tôi tới đây để trưng trong phòng triển lãm chiến tranh Việt Nam, bên cạnh lá cờ Úc Đại Lợi và bộ quân phục của quý vị đã mặc trong thời chiến. Đó là một trong những cách cảm ơn của chúng tôi.

Lá Cờ Vàng của Việt Nam Cộng Hòa, Bộ Quân Phục, và Mũ Nâu BĐQ đã được trưng bày trong Viện Bảo Tàng.

Chúng ta hãy cùng nhau tới phòng triển lãm di vật chiến tranh

Việt Nam để nhìn thấy và nhớ lại những gì quý vị đã làm trước đây.

Năm đó, vào khoảng những năm 1965, 1966, quý vị đã cùng bạn bè bước lên chiếc máy bay Qantas trong bộ thường phục, ngủ một giấc dài. Đến khi thức dậy, quý vị đã ở ngay tại Sài Gòn. Khoác lên người bộ quân phục, đầu đội nón rùng, vai mang ba lô, chân mang giày trận, tay cầm khẩu súng SLR, quý vị đã bắt đầu những cuộc tuần tiễu trong vùng Núi Đất, Đòng Xoài, Bình Giả, Long Tân... Ia Dang, Khe Sanh, Hamburger Hill...

Để bảo vệ cho chúng tôi quý vị đã mất đi những chiến hữu thân thiết nhất của mình... Andrew, David, John, Michael, Sam, Tomy... 521 người lính Úc, 58,220 người lính Mỹ trong số quý vị đã không bao giờ trở lại sau cuộc hành quân

cuối cùng của mình.

Hãy nói chuyện với họ, lắng nghe những lời trần trời cuối cùng của họ cho bạn và cho gia đình của họ. Đó là tình huynh đệ chi binh của những người lính đối với nhau.

Vào ngày 17/06/2023 tới đây, lần đầu tiên Hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Tiểu Bang Victoria sẽ tổ chức Ngày Quân Lực tại The Shrine of Remembrance Melbourne. Toàn thể Cộng Đồng Người Việt Tự Do trong Tiểu Bang Victoria cũng có mặt.

Cũng trong ngày đó, The Shrine sẽ chính thức giới thiệu với mọi người Phòng Triển Lãm Chiến Tranh Việt Nam với Lá Cờ Vàng Ba Sọc đỏ và bộ Quân Phục của người lính thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Hãy trở lại phòng triển lãm này nhiều lần nữa nhé!

Quý vị sẽ gặp lại chúng tôi, gặp lại những bạn bè ngày xưa, chúng ta vẫn chiến đấu bên cạnh nhau... shoulder-to-shoulder with the Vietnamese Army mãi mãi.

Chúng tôi, Bác Sĩ Trần Xuân Dũng, Đại Úy Hạ Bá Hùng và tôi, Thiếu Úy Nguyễn Hữu An đã làm xong nhiệm vụ của người Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, sẵn sàng cho nhiệm vụ mới.

Kính Chào Quý Vị.

**** Bút Hiệu Nguyễn Khắp Nơi,***

TÔI LÀ LÍNH BIỆT ĐỘNG QUÂN

*Bảo Định Nguyễn Hữu Chế
Tiểu Đoàn 31 BĐQ*

(Tâm sự của một chàng trai thời loạn)

Sau Tết Mậu Thân 1968, tôi từ già gia đình để trở lại quân ngũ. Tôi trở lại quân ngũ theo lệnh Tổng Động Viên của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu. Tôi tốt nghiệp Khóa 13 Sinh Viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (được Tổng Thống Ngô Đình Diệm đặt tên là Khóa Áp Chiến Lược) vào ngày 28 tháng 12 năm 1962.



BĐQ Nguyễn Hữu Chế

Vào cuối năm 1962 này, có ba khóa cùng tốt nghiệp. Đó là Khóa 16 Đà Lạt, Khóa 2 Đồng Đế Nha Trang, và Khóa 13 Thủ Đức. Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã đến chủ tọa lễ tốt nghiệp Khóa 16 Đà Lạt và Khóa 2 Nha Trang. Nhưng Khóa 13 Thủ Đức thì do Đại Tướng Lê Văn Ty, Tổng Tham Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đại diện tổng thống đến chủ tọa. Có tin đồn cho rằng do Tổng Thống kiêng kỵ con số 13!

Tôi thích được phục vụ trong binh chủng Nhảy Dù, hay Thủy Quân Lục Chiến. Đó là những binh chủng kiêu hùng mà chàng trai nào cũng thèm muốn. Nhưng hai binh chủng này không đến tuyển mộ, chỉ có Biệt Động Quân. Lúc này Biệt Động Quân chỉ mới thành lập đến cấp đại đội và chưa có tiếng tăm.

Ngày mãn khóa, tôi chọn Trung Đoàn 46 Biệt Lập đang hoạt động hành quân ở Huế, quê hương tôi. Tôi là đứa con duy nhất của một góa phụ, đáng lý tôi được miễn dịch, hay phục vụ đơn vị không tác chiến. Năm 18 tuổi, đi trình diện trung bình, tôi được xếp vào loại phụ dịch SX (service auxiliaire). Nhưng tôi đã tình nguyện vào lính, và mộng ước của tôi là làm lính kiêu hùng mũ đỏ, hay mũ xanh!

Nhưng mộng dọc ngang không thành. Thôi thì làm lính gần nhà để an ủi phần nào người mẹ già đang mỏi mòn trông chờ nơi làng quê. Làng quê tôi không xa kinh thành Huế lắm. Chỉ cách lối 30 cây số theo đường chim bay, nằm trải dài theo bờ Tây ngạn phá Tam Giang. Thuở đó rất là yên bình.

Sau khi phục vụ đủ thời hạn quân dịch pháp định là bốn năm cho cấp sĩ quan (hạ sĩ quan ba năm, quân dịch hai năm), tôi làm đơn xin giải ngũ. Khóa 13 có lối 1.500 sinh viên sĩ quan, nhưng đã có gần 800 sĩ quan xin giải ngũ.

Lúc đó Ủy Viên Quốc Phòng (Bộ Trưởng Quốc Phòng) là Trung Tướng Nguyễn Hữu Có của Nội Các Nguyễn Cao Kỳ, cho tổ chức một bữa tiệc khoản đãi các sĩ quan sắp giải ngũ tại một nhà hàng trong Chợ Lớn, với mục đích khuyến dụ ở lại quân ngũ, chuyển qua ngạch hiện dịch với nhiều ưu tiên. Nhưng hình như chẳng mấy ai hưởng ứng.

Trở về đời sống dân sự chưa được hai năm, thì xảy ra biến cố Tết Mậu Thân. Một lần nữa, theo tiếng gọi của Tổ Quốc, tôi lại lên đường tòng chinh. Tôi thuộc ngạch trừ bị. Trừ bị là “Động vi binh, tịnh vi dân”. Nhưng bọn Bắc Bộ Phủ, cầm đầu là Hồ Chí Minh, nguyện làm tên lính xung kích của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản, với tham vọng nhuộm đỏ Miền Nam và vùng Đông Nam Á Châu, chúng gây chiến triền miên, nên dù ở ngạch nào, trừ bị hay hiện dịch đều phải phục vụ quân ngũ không có ngày về!

Ngày 26 tháng 2 năm 1968, theo lệnh gọi của Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu, tôi lên đường tái ngũ. Tôi vừa mới lập gia đình. Chúng tôi tổ chức đám cưới trong tháng Giêng thì tháng Hai đã trở lại lính, giống như trường hợp nhà thơ Hữu Loan: “Cưới nhau xong là đi”. Nếu biết phải trở lại lính, tôi đã không lấy vợ. Vì “lỡ khi mình không về thì thương người vợ chờ bé bỏng chiều quê!”

Tôi trình diện tại Tiểu khu Gia Định, xe GMC chở lên Trung Tâm 3 Tuyển Mộ và Nhập Ngũ. Khác với lần nhập ngũ năm xưa, lần này không khám sức khỏe, sau một đêm tại trại, Đại Tá Cả thuộc Phòng Nhất Bộ Tổng Tham mưu, đưa ba chiếc GMC đến, đọc tên những quân nhân vừa trình diện ngày hôm trước lên xe, bổ sung cho Binh Chung Biệt Động Quân.

Chúng tôi được chở tới trại Phan Hạnh ở Hồ Nai, nhận lãnh quân trang và chờ phân phối ra đơn vị. Tôi về Tiểu Đoàn 34 của Thiếu Tá Xiếng, đồn trú tại Lộc Giang, Hậu Nghĩa. Thiếu Tá Xiếng đã lớn tuổi, trông rất phúc hậu. Sau khi trình diện xong, ông gặp riêng tôi, tâm sự:

- “Tôi biết anh từng làm đại đội trưởng lâu năm, ngay từ thời còn mang cấp chuẩn úy. Nhưng chiến thuật bên Bộ Binh và Biệt Động Quân có hơi khác nhau. Tôi để anh đi theo các đại đội quan sát một thời gian học hỏi kinh nghiệm, rồi tôi sẽ

bỏ nhiệm anh làm đại đội trưởng.”

Trước tiên tôi được gửi xuống Đại Đội 4 của Đại Úy Nguyễn Hữu Mạnh, rồi Đại Đội 3 của Đại Úy Võ Nhơn. Đại Úy Nhơn sau đó đổi ra Vùng 1, lên thiếu tá, làm tiểu đoàn trưởng và đã hy sinh tại nhà thờ Thanh Hương, quận Hương Điền - Thừa Thiên.

Sau thời gian đi quan sát với hai đại đội, mà các bạn tôi vẫn gọi đùa là “cố vấn” như cố vấn Mỹ, tôi về trình diện Liên Đoàn 3/ BĐQ của Trung Tá Phạm Văn Phúc, đồn trú gần cầu Bình Lợi. Tôi nhận Sự Vụ Lệnh do Trung Tá Phúc ký, tuyên chuyển đi Tiểu đoàn 31 BĐQ của Đại Úy Vương, đồn trú tại tỉnh Phước Long.

Phước Long không xa Sài Gòn lắm, nhưng vào ra chỉ có con đường duy nhất là hàng không!

Sự vụ Lệnh ghi rõ lý do: “Bỏ sung chức vụ đại đội trưởng”. Nghĩa là tôi đã “tu luyện” thành, sẵn sàng xuống núi! Nhưng tôi lại lên núi. Núi Bà Rá!

Tôi phải đợi một thời gian mới có chuyến bay. Hình như đó là chuyến bay của Mỹ. Tôi được dặn dò, ngay khi xuống, phải chạy đi tìm chỗ ẩn núp, vì VC hay pháo kích vào phi trường. Phi trường nằm trải dài gần chân núi Bà Rá. Ngày xưa Bà Rá là nơi rừng thiêng, nước độc, là nơi đầy ải các chính trị phạm. Chung quanh phi trường là rừng và núi, rất thuận lợi cho VC đặt pháo bắn vào phi trường.

Tôi đến trình diện Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Đào Trọng Vương. Ngày hôm sau tôi được đưa xuống Đại Đội 3 của Đại Úy Bé. Tôi sẽ thay thế chức vụ đại đội trưởng của Đại Úy Bé, để Bé về làm Sĩ Quan Hành Quân kiêm Huấn Luyện Tiểu Đoàn.

Nghe nói sau này Bé tuyên chuyển về Tiểu Khu Long An, lên thiếu tá làm tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn Địa

Phương Quân, đồn trú ở Bến Lức, bị dính vào vụ “còi hụ Long An”, thay vì được thưởng vì đã có công bắt đoàn xe còi hụ, lại bị phạt giáng cấp còn binh nhì.

Tinh lý Phước Long nhỏ, giống như lời một bài hát về Pleiku, là “đi dăm phút đã về chốn cũ”. Các đại đội được phối trí đóng quân bao quanh thị xã. Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn đóng gần Tiểu Khu, không xa các đại đội lắm; nên buổi cơm chiều thường có sĩ quan các đại đội, và sĩ quan bên Tiểu Khu về ăn chung.

Đại Úy Đào Trọng Vượng có thói quen bắt buộc tất cả sĩ quan, sau bữa cơm chiều cùng hát bài nhạc của Trịnh Công Sơn: “...một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ thằng Tây...”. Ai ai cũng phải hát và vỗ tay, sau đó là văn nghệ bỏ túi, cây nhà lá vườn. Ngay trong bữa cơm chiều đầu tiên, tôi đã có dịp thưởng thức giọng ca truyền cảm của một bác sĩ quân y phục vụ tại tiểu khu. Tôi không nhớ tên, nhưng nhớ mãi giọng ca trầm ấm của ông.

Ông hát bản: “Sao em không đến chiều nay Thứ Bảy...”. Lời ca tiếng hát của vị y sĩ trẻ làm tôi nhớ Sài Gòn, nhớ Thủ Đức, nhớ tà áo bay bay của các em đến thăm tại khu tiếp tân Trường Thủ Đức vào chiều Thứ Bảy. Tôi mới xa rời vùng trời hoa lệ Sài Gòn sáng nay mà cảm thấy như lâu lắm rồi. Bỗng nhiên tôi càng căm thù chiến tranh, càng căm thù giặc Cộng đã đẩy đưa tôi đến nông nỗi này.

Đại Úy Bé cho Thiếu Úy Nguyễn Văn Học, Đại Đội Phó, tập họp đại đội để giới thiệu tôi trước hàng quân. Nhưng hơn một tuần sau, trong lúc tôi chuẩn bị ký biên bản bàn giao thì Tiểu Đoàn gửi Đại Úy Mạnh xuống nắm chức đại đội trưởng. Vì tôi mang cấp trung úy nên phải xuống làm đại đội phó, còn Thiếu Úy Học đang là đại đội phó, xuống làm trung đội trưởng!

Một thời gian không lâu, Tiểu Đoàn được lệnh di chuyển về vùng ven đô Sài Gòn, hoạt động hành quân tiêu trừ cộng quân tại các quận Lái Thiêu, Gò Vấp và Hóc Môn; đặt thuộc quyền chỉ huy của Đại Tá Nguyễn Khoa Nam, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Dù. Tôi nhớ một lần Đại Tá Nam đi trực thăng đến thăm, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho tất cả phải đội nón sắt, vì chính vị đại tá luôn luôn đội nón sắt trên đầu.

Là một sĩ quan BĐQ nhưng chưa trải qua một khóa học nào của BĐQ, tôi cảm thấy bất xứng, nên tôi xin được gửi ra Dục Mỹ theo học khóa căn bản BĐQ. Ngược lại, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Đào Trọng Vượng nói để cho tôi đi Mã Lai học khóa Rừng Núi Sinh Lầy. Thời gian này cấp trung úy thường giữ chức đại đội trưởng, còn đại đội phó thì thiếu úy hay chuẩn úy. Hình như chỉ có tôi là mang cấp trung úy mà làm đại đội phó.



BĐQ Nguyễn Hưu Chế và phu nhân

Tôi được gửi đi học khóa Đại Đội Phó Chiến Tranh Chính Trị, tại Trung Tâm Huấn Luyện Chiến Tranh Chính Trị Sài Gòn. Trường sở đặt gần chợ Thái Bình. Trước đây trường nằm trong Biệt Khu Thủ Đô. Nhưng khi đến nơi, thì thì khóa học cải danh là Khóa Tham Mưu Chiến Tranh Chính Trị, đào tạo sĩ quan Tham Mưu Chiến Tranh Chính Trị cho các đơn vị.

Đó là Khóa 2 Tham mưu CTCT. Hầu hết sĩ quan tham dự là từ các tiểu khu. Riêng BĐQ thì sĩ quan giữ chức đại đội phó từ các tiểu đoàn thuộc Liên Đoàn 3 và 5 BĐQ. Là sĩ

quan có khóa học cao, lại mang cấp trung úy, nên tôi được đề cử đại diện cho nhóm sĩ quan BĐQ, và Sĩ Quan Ban 4 của khóa. Ban 4, nhưng không phải lo tiếp vận, tiếp tế, mà chịu trách nhiệm các buổi sinh hoạt của khóa.

Ngày mãn khóa, tôi lo tổ chức đêm văn nghệ chia tay cho khóa. Tôi đã nhờ Thiếu Úy Thố, một sĩ quan ĐPQ, em ruột Nghệ Sĩ Kim Cương, mời các ca sĩ Sài Gòn vào hát giúp vui miễn phí (Nghe nói Thiếu Úy Thố đã tử trận tại một tiền đồn trên Cao Nguyên).

Một hôm tôi được gọi về Tiểu Đoàn nhận sự vụ lệnh, để lên liên đoàn đổi sự vụ lệnh đi tham dự khóa Leadership. Tôi về hậu cứ, trại Phan Hạnh ở Hố Nai để làm thủ tục cho khóa học. Nhưng rất tiếc, đang lúc chuẩn bị đi khám sức khỏe, thì khóa học đình hoãn. Tôi lại mang balô trở về đơn vị gốc. Khi tôi đã rời BĐQ thì khóa học mở lại, và Thiếu Úy Học được đề cử theo học khóa này.

Sau biến cố Tết Mậu Thân, bộ máy hành chánh của Thủ Đô Sài Gòn được quân sự hóa. Các phường khóm đều do quân đội nắm giữ. BĐQ chịu trách nhiệm Quận 5 và Quận 7. Thật bất ngờ! Tôi được đề cử đi làm phường trưởng. Đó là Phường Cây Sung thuộc Quận 7. Dưới phường trưởng là các khóm trưởng, gồm các hạ sĩ quan BĐQ.

Về hành chánh, tôi dưới quyền quận trưởng; về quân sự, tôi dưới quyền Thiếu Tá Chất, Đặc Khu Trưởng Đặc Khu 7. Dưới phường trưởng, có phó phường trưởng hành chánh, là vị cựu phường trưởng. Ban tham mưu gồm có hai nhân viên cảnh sát (một sắc phục và một thường phục) cùng với một nhân viên Phụng Hoàng.

Một trung đội quân chính quy có nhiệm vụ bảo vệ phường, do một trung úy bác sĩ làm trung đội trưởng. Còn binh sĩ là các khóa sinh C1 Quân Y. Chúng tôi được Thiếu Tá Đặc Khu

Trưởng cấp cho sự vụ lệnh thời hạn 15 ngày, được quyền đi trong giờ giới nghiêm hay giờ cấm quân.

Phải nói rằng, từ ngày bộ máy phùng khóm được quân sự hóa, tình hình an ninh Thủ Đô được cải thiện rất tốt. Ban đêm, tôi cùng các khóm trưởng thay nhau đi tuần tiễu. Tôi



Liên Đoàn 3 BÐQ chuẩn bị vào An Lộc, 1972.

cho đặt các trạm gác tại những nơi có thể là đường xâm nhập của VC. Tôi tổ chức đội ngũ Nhân Dân Tự Vệ. Trong buổi ra mắt, tôi đếm được hơn 500 thành viên. Họ là những thanh niên ở độ tuổi quân dịch, nhưng chưa phải vào lính, rất hăng say trong việc bảo vệ phùng khóm.

Tại địa bàn Phường Cây Sung của tôi có ba cơ sở Mỹ. Tôi đã đến quan sát và thấy công nhân hầu hết là thanh niên trong độ tuổi quân dịch. Tôi thấy không đành. Đất nước lâm nguy, tiền tuyến đang cần lính, nên vào một ngày đẹp trời, tôi yêu cầu Đặc Khu cung cấp cho tôi ba chiếc xe GMC với một toán Quân Cảnh.

Đến giờ tan sở, tôi cho Quân Cảnh và Cảnh Sát hướng dẫn xe GMC đến đậu ngay cổng ra vào để xét giấy tờ quân

dịch. Mỗi sở Mỹ tôi hốt được một số thanh niên trốn quân dịch, rồi cho chở lên giao cho Trung Tâm 3 Nhập Ngũ.

Một tuần sau, tôi được lệnh bàn giao chức vụ phòng trưởng cho Trung Úy Tâm. Khi mới tái ngũ, về Đại Đội 3, Tiểu Đoàn 34/BĐQ, Tâm là Thiếu Úy Đại Đội Phó cho Mạnh. Khi tôi về Trường Bộ Binh Thủ Đức tham dự khóa đại đội trưởng, tôi lại gặp Tâm, chúng tôi nằm cùng giường, giường trên và giường dưới.

Thiếu Tá Lâu Vĩnh Quay làm đại đội trưởng khóa sinh. Tôi được cử làm trung đội trưởng của một trong bốn trung đội. Mỗi buổi chiều, mỗi trung đội được cấp bốn giấy phép. Trung đội trưởng ưu tiên lấy một. Lúc này bà xã tôi đang nằm điều trị tại bệnh viện Trung Vương, nên chiều nào tôi cũng phải về thăm. Tâm đã hối thúc tôi đi ngay, mọi việc để Tâm lo, như việc lau chùi vũ khí, vệ sinh doanh trại. Nghe nói sau đó Tâm đổi ra Vùng 1 và đã hy sinh ở đó.

Tôi được trả về Bộ Chỉ Huy BĐQ và nhận sự vụ lệnh chuyển đi Sư Đoàn 25 BB ở Đức Hòa, Hậu Nghĩa. Tiếc rằng thời gian tôi phục vụ trong binh chủng BĐQ không lâu, chỉ lóí hai năm, nhưng tôi đã bắt đầu yêu chiếc mũ nâu và màu áo hoa rừng của bộ quân phục. Tôi rất hạnh diện một thời từng là lính Biệt Động Quân.

Michigan, một ngày đầu Xuân năm 2023.

BIÊN CỐ PHẬT GIÁO TẠI HUẾ NĂM 1963

*Đặng Kim Thu
Tiểu Đoàn 41 BĐQ*

Không ai có thể nhầm lẫn danh tánh của vị mang phẩm phục hàng giám mục Công Giáo, ngồi trong xe chạy qua thành phố Huế sáng 7 tháng 5 năm 1963. Đó là ông Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, thuộc địa phận Huế, kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.



BĐQ Đặng Kim Thu

Ông vừa đi thăm thánh địa La Vang, gần thành phố Quảng Trị, một thánh địa được phát triển dưới sự chăm sóc của ông. Hiện nay ông đang kỷ niệm năm thứ 25 thụ phong giám mục. với ông, đó là tuần lễ rất vui. Tuy nhiên, ngày 7 tháng 5, ông đã tỏ ra thất vọng và bức tức, vì cờ Phật Giáo treo đầy

đường phố Huế.

Ông Tổng Giám Mục lấy làm khó chịu vì những sửa soạn mừng Phật Đản của Phật Giáo quá vĩ đại và long trọng. Ông không bao giờ hiểu rằng, những hoạt động nổi tiếng nhân danh Phật Giáo, đã làm cho nhiều người Công Giáo e ngại. Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục ít tin vào hiệu quả của việc dung hòa giữa Phật Giáo, Khổng Giáo, và Nho Giáo, mà phần đông người Việt tin đó là tín ngưỡng.

Ông không hiểu rằng, mặc dù Phật Giáo có nhiều người theo một cách hời hợt; nhưng thực sự niềm tin của họ sâu xa, tuyệt đối với Phật, cũng như người Công Giáo tin vào Thiên Chúa. Vì hiểu lầm như vậy, ông vẫn coi dân chúng như những người thụ động, từng phục, và dễ truyền đạo.

Ngay cả một số người Công Giáo cũng cho rằng ông Tổng Giám Mục đã quá chú trọng vào La Vang. Ông đã biến nơi này thành trung tâm tôn kính Đức Mẹ, với những dâng cúng vượt quá lòng nhiệt thành tôn giáo. Tuy nhiên, nhiều công chức chính phủ, từ cao cấp tới trung cấp, đều nghĩ rằng khi ủng hộ dự án của Tổng Giám Mục; họ sẽ có những thuận lợi về chính trị, dễ thăng tiến nhanh, dù họ không theo đạo Công Giáo.

Lúc bấy giờ, dân chúng cũng được một ủy ban toàn quốc, gồm nhiều thành phần tôn giáo khác nhau, kêu gọi đóng góp mừng lễ ngân khánh của ông Tổng Giám Mục. Tại Huế, có nhiều công chức theo đạo Phật than phiền, vì phải đóng góp cả tháng lương.

Linh Mục Cao Văn Luận, Viện Trưởng Viện Đại Học Huế, cũng nghe thấy sinh viên và giáo sư chỉ trích việc tổ chức mừng ngân khánh một cách quá đáng. Linh Mục Luận tới gặp em của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục là ông Ngô Đình Cần, để trình bày về dư luận của dân chúng. Ông Ngô

Đình Căn vốn là người có nhiều uy quyền ở Huế. Nghe xong, ông nói với Linh Mục Luân:

- Tôi lấy làm tiếc về việc lẫn lộn giữa tôn giáo và quốc gia của ông Tổng Giám Mục, anh tôi. Giờ đây tôi bị bó tay, vì anh tôi không còn nghe tôi nữa. Cha nên cha đi Sài Gòn nói chuyện với Tổng Thống Diệm.

Ông Ngô Đình Nhu có cùng suy nghĩ như ông Căn. Ông Nhu thấy không có lý do gì để quan trọng hóa một sự kiện tôn giáo, dù tình cờ tôn giáo đó là tôn giáo của chính mình. Nhưng dưới nhãn quan của Tổng Thống Diệm thì sự kiện lại được nhìn dưới khía cạnh khác. Đối với Tổng Thống Diệm, việc làm của ông Tổng Giám Mục, anh của ông, không có điều gì sai.



***Tổng Thống
Ngô Đình Diệm, tại chức
từ 1955 đến 1963.***

Ông Ngô Đình Thục đã làm Giám Mục tại Vĩnh Long suốt 23 năm, trước khi ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám Mục Giáo Phận Huế. Trong thời gian này, vì Vĩnh Long gần Sài Gòn nên ông Thục có nhiều “cơ hội” xen vào công việc của chính quyền ông Diệm. Điều này khiến ông Nhu bị nhiều bất ngờ và khó xử. Tuy nhiên vì tình gia đình ông Nhu đã không tiện bày tỏ thái độ.

Khi sự kiện xảy ra, tất nhiên Tòa Thánh cũng cảm thấy như vậy, nên mới cử Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục đi xa khỏi Sài Gòn, đồng thời cử Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình làm Tổng Giám Mục Giáo Phận Sài Gòn. Ông Bình là một người ôn hòa, thận trọng; không để giáo hội, hoặc chính

bản thân ông quá gần gũi với chế độ của Tổng Thống Diệm.

Thế là ông Nhu đã tránh được việc anh của mình luôn can thiệp vào những công việc của chính phủ. Mặc dù hài lòng với việc Tổng Giám Mục Thục nhậm chức xa Sài Gòn, nhưng ông Nhu vẫn thấy rằng Huế cũng không xa thủ đô mấy và cũng không hiểu rõ cố đô Huế có thích hợp với con người mang nhiều tham vọng, nhưng chưa được toại nguyện hay không? Hay sự có mặt của Ông Tổng Giám Mục Thục tại Huế sẽ có hậu quả không mấy tốt đẹp chăng!?

Ông Ngô Đình Cẩn là người duy nhất trong các anh em chưa bao giờ ra khỏi thành phố Huế. Ông, thích được gọi là “Cậu Cẩn”, là người thực sự nắm quyền điều khiển các hoạt động của Huế và các tỉnh miền Trung. Giới báo chí không thích ông thường gọi ông là “Lãnh Chúa Miền Trung”, vì cá tính độc đoán và quan liêu.

Dẫu vậy, những hoạt động bí mật chống Cộng Sản nằm vùng do ông điều khiển, có kết quả rất khả quan. Qua “Đoàn Công Tác Đặc Biệt” do ông sáng lập và do ông Dương Văn Hiếu điều hành, hoạt động của Cộng Sản trong vùng đã giảm thiểu rõ rệt. Khi Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục ra Huế năm 1962 đảm nhiệm chức vụ mới với nhiều quyền lực, vai trò của ông Cẩn đã bị giới hạn.

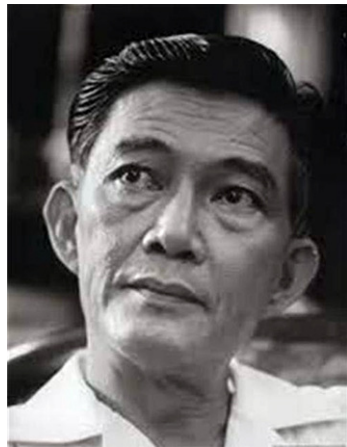
Cũng như hồi còn ở tại Vĩnh Long, ông Thục đã sáng lập ra những đoàn thể Công Giáo ở địa phương, khuyến khích truyền giáo không ngừng, và can thiệp vào công việc của chính phủ tại bất cứ chỗ nào ông thấy cần. Từ đó, ông Cẩn thấy vị thế của mình bị suy giảm, khi người anh đầy quyền lực xâm phạm vào quyền uy của ông.

Ở Sài Gòn, ông Nhu cũng muốn lấy lại quyền kiểm soát Huế và các tỉnh miền Trung. Đầu năm 1963, ông Nhu nhờ một người tin cẩn đến gặp ông Cẩn, đề nghị ông này rời Việt

Nam đi Nhật một thời gian. Ông Cẩn đã nói:

- Anh Nhu nghĩ gì mà muốn tôi ra nước ngoài? Ai sẽ chăm sóc mẹ tôi? Nói với anh Nhu, tôi không đi đâu cả!

Ông Cẩn thấy mình đã mất hết uy quyền. Vì vậy, ông muốn cho mọi người nghĩ rằng mình vẫn là cây cầu duy nhất nối chính quyền với các nhà lãnh đạo Phật Giáo. Do đó, ông Cẩn đã khuyến khích họ khuấy động. Có thể đã tới lúc các nhà lãnh đạo Phật Giáo cũng hành động như họ đã làm, mà không cần có lời cổ vũ của ông Cẩn.



***Ông Ngô Đình Nhu,
Cố Vấn***

Một điều chắc chắn, là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục không hề biết việc bất mãn của Phật Giáo đang gia tăng từ khi ông tới Huế. Trước lễ Phật Đản vài ngày, ông Thục đã tới Đà Nẵng, chúc mừng Tân Giám Mục Đà Nẵng. Ông Thục tỏ vẻ khó chịu khi thấy tân Giám Mục Đà Nẵng đã được dân chúng mến mộ nhiều hơn hẳn người Huế mến mộ mình. Không hài lòng vì việc đón tiếp nồng nhiệt của dân chúng Đà Nẵng dành cho vị Tân Giám Mục, khi từ Đà Nẵng về, ông Thục đã để ý đến người dân Huế khi cờ Phật Giáo treo khắp thành phố.

Sau đó, một thông tư từ Sài Gòn gửi ra đã nhắc lại luật treo cờ. Khi thông tư tới Huế thì thành phố đã ngập tràn cờ Phật Giáo để mừng lễ Phật Đản sắp tới. Ông Tổng Giám Mục Thục đã gọi ngay ông Hồ Đắc Khương, Phụ Tá Đại Biểu Chính Phủ, bảo ông này ra lệnh tháo hết cờ Phật Giáo xuống. Ông Khương phản đối, cho rằng ra lệnh hạ cờ lúc bấy giờ là đã quá trễ. Hành động như vậy sẽ đụng chạm đến

Phật Giáo. Thay vì tuân lệnh của ông Thục, ông Khương đã gửi công điện vào Sài Gòn xin chỉ thị. Sài Gòn trả lời ngay:

- Tất cả cờ phải hạ xuống!

Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ tình cờ có mặt tại Huế, đã chỉ thị trì hoãn thi hành lệnh và đích thân tới các chùa nói với các thượng tọa không phải hạ cờ. Đã trễ! Cảnh Sát đã hạ một số cờ của Phật Giáo.

Khi việc chống đối của Phật Giáo xảy ra, ông Ngô Đình Nhu bút rứt nói rằng:

- Tại sao anh tôi lại cho gửi một lệnh điên rồ như vậy?!

Đối với Tổng Giám Mục Thục thì vấn đề đang xảy ra vô cùng quan trọng. Giáo Hoàng sẽ nghĩ sao, khi giáo khu của Tổng Giám Mục Thục cai quản, lại chỉ có cờ Phật Giáo treo đầy đường? Uy tín của ông Thục đối với Toà Thánh còn đâu, khiến có thể ảnh hưởng đến đường tiến thân của ông trong giáo hội. Đối với các thượng tọa Phật Giáo, thì biến cố này cũng quan trọng không kém, như là Thích Trí Quang đang chờ sơ hở của chính quyền để hành động.

Bất mãn đã âm ỉ từ lâu, Họ đã than phiền những người di cư Công Giáo được ưu đãi, các linh mục được sử dụng phương tiện của chính phủ, Tổng Giám Mục Thục luôn luôn muốn gia tăng ảnh hưởng của giáo hội Công Giáo và của chính mình. Đã có một làng cải đạo tập thể. Dĩ nhiên, người ta cho đó là do áp lực của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục.

***Thành phố Huế ngày 8 tháng 5 năm 1963.**

Các thanh niên Phật Tử đổ xô xuống đường mừng lễ Phật Đản. Vào buổi sáng, các Phật Tử đã tụ họp rất sớm. Khoảng 500 người đã rước tượng Phật tới chùa Từ Đàm và mang theo các biểu ngữ chống chính phủ. Thượng Tọa Thích Trí Quang từ trong chùa đi ra chào đón các tín đồ. Ông ta đã đọc to nội dung các biểu ngữ và có những phát biểu “này lửa”,

đầy kích động, tố cáo chính phủ đàn áp tôn giáo. Ông đòi hỏi bình đẳng cho các tôn giáo.

Đám đông bị kích động đã vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Trong số thánh giả có ông Hồ Đắc Khương, Tướng Lê Văn Nghiêm-Tur Lệnh Vùng 1, và ông Thị Trưởng Thị Xã Huế. Họ đã tự kiểm chế nên không có phản ứng gì lộ ra sau khi nghe Thích Trí Quang phát biểu. Khi được báo cáo về bài diễn văn của ông Trí Quang, ông Ngô Đình Cần ngạc nhiên, nhưng bình tĩnh trả lời bằng câu hỏi:

- Tại sao Thích Trí Quang đã kích tôi?

Ông Cần đã nghĩ đến những giúp đỡ vật chất của ông đối với Phật Giáo trong nhiều trường hợp. Những liên hệ cá nhân của ông với các thượng tọa chưa đủ làm vừa lòng Trí Quang hay sao?! Ông Cần đã không đánh giá đúng Thích Trí Quang. Vị thượng tọa, đầy mưu trí và nhiều thủ đoạn này, chúng tôi có sức lôi cuốn dân chúng hơn cả ông Cần và Tổng Giám Mục Thực.

Ngày 8 tháng 5 năm 1963, Thích Trí Quang từ trong bóng tối của ngôi chùa bước ra ánh sáng của sân khấu chính trị miền Nam. Ông hướng dẫn tín đồ từ chùa Từ Đàm tới tụ họp tại khách sạn Morin. Từ đó, ông ta cùng những người theo ông tới đài phát thanh, mà ông ta đã nói láo với Phật Tử và dân chúng là rước kiệu từ Đà Nẵng ra. Nói như vậy mới tụ họp được đông dân chúng.

Chương trình phát thanh về đạo giáo, được chính quyền địa phương chấp thuận, đã được thu băng và sắp được phát thanh. Nhưng các thượng tọa và Phật tử đòi hỏi ông quản đốc cho thay thế bằng bài phát biểu của Thích Trí Quang hùng hồn. Ông quản đốc đã không cho thay thế, vì bài phát biểu đó chưa được chấp thuận.

Khi thấy đám đông kéo tới mỗi lúc một đông, ông Quản

Độc đài điện thoại cho Thiếu Tá Đặng Sĩ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An, để cầu cứu. Ông Sĩ đi tìm vị Tỉnh Trưởng, đang ở nhà ông Cẩn, để xin lệnh. Ông Tỉnh Trưởng nói đã đích thân gặp Thích Trí Quang và cả quyết sẽ không có bạo động, nên ông ta chẳng có một chỉ thị nào cụ thể cho ông Sĩ.

Sau đó, ông Sĩ đã nhận được các báo cáo về tình trạng mất trật tự của dân chúng đang tụ tập trước đài phát thanh. Đám đông gây rối loạn đến không thể kiểm soát, khiến đài phát thanh có thể rơi vào tình trạng nguy hiểm. Với tinh thần trách nhiệm cao, Thiếu Tá Đặng Sĩ đã liên lạc với Thiếu Tướng Lê Văn Nghiêm, Tư Lệnh Vùng Một. Tướng Nghiêm đã báo với ông Sĩ xin lệnh tỉnh trưởng vì đây là vấn đề dân sự.



Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục.

(Tướng Nghiêm đã quên rằng Tư Lệnh kiêm Đại Biểu Chính Phủ có đủ thẩm quyền giải quyết các vấn đề dân sự trong vùng. Hay là Tướng Nghiêm tránh né trách nhiệm chăng?)

Thiếu Tá Sĩ đã tới đài phát thanh hai giờ sau khi có tin dân chúng nổi loạn. Ông đã đem theo một trung đội lính Bảo An, ngồi trên xe “nồi đồng” bánh cao su (commando car). Vì không có lựu đạn, cay nên họ được trang bị lựu đạn MK3, loại không sát thương, dùng để huấn luyện. Khi còn ngồi trên xe cách đài phát thanh khoảng 50 mét, thì có hai tiếng nổ long trời. Nghĩ rằng Việt Công có thể tấn công, như chúng mới tấn công một bót Cảnh Sát, ông đã bắn bồng ba tiếng súng chỉ thiên, ám hiệu cho binh sĩ của ông dùng lựu đạn không sát thương. Dân chúng hoảng sợ chạy tán loạn, để

lại bảy xác chết và một em bé còn thoi thóp.

Các nạn nhân, người thì mất tay, kẻ mất đầu. Nhiều xác chết bị co quắp, thịt xương văng tứ tung, nhưng không ai tìm thấy vết tích của các mảnh kim loại của vũ khí giết người. Thật là một đêm kinh hoàng! Những người có mặt đêm đó chưa ai chứng kiến một vụ nổ dữ dội như thế.

Vũ khí mà lính của Thiếu Tá Đặng Sỹ sử dụng không có loại nào sát thương như vậy. Bác Sĩ Lê Khắc Quyến, Tô Trưởng Tô Khám Nghiệm kiêm Giám Đốc Bệnh Viện Huế, đã báo cáo như sau:

- Các người bị chết là do sức nổ trên không, có áp lực rất mạnh. Hơi nổ đã làm da đầu của họ bị tróc và nứt sọ. Không biết chất nổ là gì vì không đối chiếu được với các chất nổ mà quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang có.

Căn cứ theo kết quả khám nghiệm mà Bác Sĩ Lê Khắc Quyến báo cáo, Tổng Thống Diệm đã cho rằng chính quyền không có lỗi. Ông đã không hiểu rõ chiều sâu lòng căm phẫn của dân Huế, cũng như không đánh giá được mức độ tác hại vì lòng căm phẫn đó. Nó có thể dễ dàng làm lung lay chế độ!

Một tòa án đã được thiết lập, để xét xử những người có trách nhiệm về những cái chết ở Huế. Tuy nhiên, mãi một năm sau khi Tổng Thống Diệm bị giết, Thiếu Tá Đặng Sỹ mới được đưa ra xét xử tại một tòa án quân sự đặc biệt, theo quyết định của Tướng Nguyễn Khánh, người đang muốn mua lòng Thích Trí Quang và sự ủng hộ của Phật Giáo.

Thiếu Tá Sỹ một mình bị xử vì tám cái chết. Một số người đã kết tội ông Sỹ ra lệnh cho lính bắn vào đám đông và cán lên người các nạn nhân bằng “xe bọc thép”. Một số người khác bảo rằng những người bị giết là do lựu đạn được ném ra theo lệnh của ông Sỹ. Trong phiên xử, luật sư của Đặng Sỹ đã chứng minh là loại lựu đạn này không thể giết người. Khả

năng tàn phá của lựu đạn này chỉ có thể làm bị thương nhẹ, điếc tai, tức ngực vì nó là loại dùng để huấn luyện.

Một thể lực nào đó buộc Đặng Sỹ khai là Tổng Giám Mục Thục (*lúc đó đang sống ở ngoại quốc*) đã đích thân ra lệnh cho ông ta bắn vào đám đông. Nếu khai như vậy, ông ta sẽ được tha bổng. Ông Đặng Sỹ đã từ chối. Đặng Sỹ bị kết án chung thân khổ sai và bồi thường cho các gia đình nạn nhân. Trước tòa, luật sư biện hộ đã phát biểu:

- Tòa không xác định tính chất hay nguồn gốc vụ nổ chết người. Những bằng chứng đã không biện minh cho một bản án quá nặng như vậy.

Tướng Trần Thiện Khiêm, lúc đó đang là Bộ Trưởng Quốc Phòng, sau này cũng đã nói:

- Đặng Sỹ phải bị kết án nặng để làm vừa lòng Thích Trí Quang. Đó là ý định của Nguyễn Khánh để đổi lấy sự ủng hộ dành cho ông ấy.

Ông Georgie Carver, nhân viên cao cấp của CIA, viết vào năm 1965:

- Tia lửa phát sinh vụ nổ ở Đài Phát Thanh Huế năm 1963, đã được châm trong một trường hợp mà các chi tiết luôn sẽ là một vấn đề cho các cuộc bàn luận chưa dứt khoát.

Năm 1970, tờ báo “Công Giáo Hòa Bình” đã cố tìm hiểu lại biến cố ngày 8 tháng 5 năm 1963 tại Huế. Tờ báo này cho rằng khi ông Cử được báo cáo về biến cố đẫm máu, ông liền triệu tập ngay các viên chức địa phương để bàn luận. Các viên chức này cho rằng Đặng Sỹ không có trách nhiệm trong vụ này. Họ quả quyết Hoa Kỳ là thủ phạm chính, vì chính phủ của ông Diệm đang có mâu thuẫn với chính quyền Kennedy. Người ta tin tưởng rằng vụ nổ do Hoa Kỳ tạo ra để gây khó khăn cho ông Diệm.

Báo “Công Giáo Hòa Bình” còn đi xa hơn. Tờ báo đề cập

đến một đại úy Mỹ tên Scott đã từ Đà Nẵng ra Huế, hôm trước ngày Phật Đản 8 tháng 5 năm 1963. Vài năm sau khi ông Diệm bị sát hại, Scott được cử làm cố vấn cho một đơn vị tác chiến ở đồng bằng sông Cửu Long. Lúc đó, ông ta có nói:

- Đặng Sỹ hoàn toàn vô tội, không có lý do gì giờ này vẫn ở tù. Đặng Sỹ chỉ là một nạn nhân.

Cũng theo tờ báo này, Scott diễn tả chất nổ vẫn còn là một bí mật, chỉ một số nhân viên CIA biết mà thôi. Một thứ chất nổ chỉ làm bằng hộp quẹt và có bộ kích hỏa từ xa. Trong một cuộc nói chuyện khác, Scott thú nhận người châm chất nổ hôm đó là ông ta.

(Tác giả không thể xác nhận bài báo này có khả tín không.)

Dù sao, tám người đã chết và ít nhất 15 người đã bị thương. Điều này khiến chính phủ Ngô Đình Diệm phải có hành động cấp thời để làm dịu lòng căm phẫn của dân chúng Huế. Không may, chính phủ của ông không biết vận dụng các biện pháp khẩn cấp để xoa dịu lòng dân và trấn an dư luận. Ngược lại Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục cố biện minh cho ông ta và cho chính phủ. Ngoài ra cả ông Diệm và ông Nhu cũng đều cho rằng chính phủ không có lỗi. Xem ra, chỉ có ông Ngô Đình Cần là biết rõ tầm quan trọng về mặt chính trị của biến cố. Ông đã yêu cầu chính phủ bồi thường ngay cho gia đình các nạn nhân.

Đầy phẫn nộ, dân chúng đã biểu tình ngày 10 tháng 5 năm 1963 tại Huế. Các tu sĩ Phật Giáo ra một tuyên cáo đòi chính quyền:

- Rút lại lệnh cấm treo cờ Phật Giáo tại các nơi công cộng.
- Cho Phật Giáo bình đẳng với Công Giáo.
- Ngưng các vụ bắt bớ và đe dọa Phật Tử.

- Trừng phạt các viên chức có trách nhiệm
- Bồi thường gia đình các nạn nhân.



***Ông Ngô Đình Cần,
Cố Vấn Chính Phủ tại
miền Trung.***

Ngày 18 tháng 5 năm 1963, Đại Sứ Nolting theo chỉ thị của Tổng Thống Kennedy đến gặp Tổng Thống Diệm, để thúc đẩy ông giải quyết các đòi hỏi của Phật Giáo và khôi phục lại lòng tin của dân chúng. Một cách duy nhất để làm chuyện đó; là ông Diệm phải nhìn nhận chính phủ có trách nhiệm trong biến cố vừa xảy ra ở Huế, cũng như bồi thường thỏa đáng cho gia đình các nạn nhân và nhấn mạnh sự

bình đẳng giữa các tôn giáo trên toàn quốc.

Tuy nhiên, Tổng Thống Diệm không bao giờ chịu nhượng bộ các áp lực chính trị và nhận trách nhiệm về những việc mà ông tin là chính phủ của ông không có lỗi. Đại Sứ Nolting, sau khi chuyển báo cáo này về Washington, đã sẵn sàng cho một chuyến nghỉ Hè dài ngày. Sài Gòn không có dấu hiệu gì nghiêm trọng khiến việc đi nghỉ Hè của ông bị trì hoãn. Ông tin tưởng Tổng Thống Diệm đã nắm được tình thế, nên sau khi giao Tòa Đại Sứ Mỹ cho ông Phó đại sứ trông coi, Nolting rời Việt Nam ngày 23 tháng 5 năm 1963.

Một tuần lễ sau khi Đại Sứ Nolting đi nghỉ Hè, các nhà lãnh đạo Phật Giáo đưa vấn đề người chết ra trước công chúng. Một buổi lễ tưởng niệm đã được tổ chức tại chùa Ân Quang. Tổng Thư Ký Phật Giáo Sangha đọc điều văn. Sau đó, hàng trăm tu sĩ và sư cô với y phục màu vàng rực rỡ bài vị qua các đường phố, tới chùa Xá Lợi.

Sau đó, họ kéo tới trước Quốc Hội, mang theo biểu ngữ đòi hỏi chính phủ thỏa mãn các yêu sách của họ. Họ ngồi đó tới bốn giờ chiều mới giải tán. Theo lệnh của Tổng Hội Phật Giáo, họ về chùa, họp cùng các tu sĩ Phật Giáo toàn quốc tuyệt thực 48 tiếng. Họ phân phát truyền đơn, tuyên bố ý định của các lãnh đạo Phật Giáo tiếp tục tranh đấu cho đến khi yêu sách của họ được thỏa mãn.

Tại Huế, nơi khởi đầu các biến cố, căng thẳng vẫn còn cao. Thấy vậy, ông Ngô Đình Cẩn nhờ hai dân biểu làm sứ giả vào Sài Gòn với ý định báo động cho Tổng Thống Diệm tình hình ở Huế. Họ nhắc lại cho Tổng Thống nhớ lúc ông còn là Thủ Tướng, trong một lần ra thăm Huế mà điện bị hư, dân chúng đã đòi treo cổ nhân viên người Pháp trông nom điện lực. Nay nếu Tổng Thống đến Huế thì sẽ không có “ma” nào ra đón tiếp ông như lần trước.

Tổng Thống Diệm bèn yêu cầu ông Nguyễn Đình Thuần ra Huế xét đoán tình hình. Sau khi gặp gỡ các viên chức đại phương, ông Thuần tới gặp ông Cẩn và nhận lời nhắn gửi:

- Nhờ ông Bộ Trưởng nói với anh Diệm của tôi. Tình hình ở Huế rất bi đát, tệ hại hơn hai lần trước nhiều. Điều cần và trước nhất là phải tìm cách xoa dịu tình hình ngay.

Khi nhận được lời nhắn của ông Cẩn, ông Diệm chỉ cười và nói:

- Em tôi đã mất can đảm rồi!

Khi ông Thuần trình cho ông Nhu, thì ông Nhu lại cho rằng vụ Phật Giáo đã có bàn tay nước ngoài nhúng vào. Ông nói:

- Tới lúc này, tôi (*ông Nhu*) đã bớt quan tâm tới những hoạt động của Phật Giáo. Điều tôi quan tâm hơn là ý định thật sự của chính phủ Hoa Kỳ. Họ muốn gì đối với chúng ta?

Ghi chú:

Ông Ngô Đình Cẩn là Cố Vấn Chính Phủ, phụ trách cao nguyên Trung Phần và khu vực duyên hải trải dài từ Phan Thiết đến Quảng Trị; đồng thời giữ cương vị chủ tịch Phong trào Cách mạng Quốc Gia, thuộc Đảng Cần Lao Nhân Vị trong khu vực.

Chào Mừng Lễ Kỷ Niệm

***63 Năm Thành Lập
Binh Chủng Biệt Động Quân
Tại Dallas Texas.***

Ngày 14, 15, 16 Tháng 7 Năm 2023

Biệt Động Quân - Sát!